TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 624/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-12-2018
V/v tranh chấp ly hôn, về nuôi con giữa chị P với anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Bờ.

2. Ông Huỳnh Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Ngày 28 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 274/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2018 về việc tranh chấp "Ly hôn, về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 255/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Hồng P, sinh năm 1993, địa chỉ cư trú: Tổ 15, ấp Mỹ Thuận, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Quốc T, sinh năm 1991, địa chỉ cư trú: Tổ 07, ấp Mỹ Thuận, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/5/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Huỳnh Thị Hồng P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh T cưới nhau năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Quá trình chung sống, vợ chồng P sinh mâu thuẫn do anh T lo ăn nhậu, không chăm lo cuộc sống gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau và đã sống ly thân từ tháng 12/2016 cho đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn chị P yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Lê Thị K, sinh ngày 08/10/2016, hiện con chung do chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại Tờ tường trình ngày 26/7/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Lê Quốc T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng tự nguyện quen biết nhau và kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M. Quá trình chung sống, vợ chồng P sinh mâu thuẫn, có cự cãi nhau nhưng mâu thuẫn không lớn; vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2016 cho đến nay. Anh T còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn, xin được đoàn tụ.

- Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Lê Thị K, sinh ngày 08/10/2016, hiện con chung đang chung sống với chị P. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu chị P cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Bản photo chứng minh nhân dân tên Huỳnh Thị Hồng P, Lê Quốc T; bản sao giấy khai sinh con chung, giấy chứng nhận kết hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp của các đương sự là về ly hôn, về nuôi con chung, bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn huyện C, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Đối với bị đơn anh Lê Quốc T đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa hai lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh T đã tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 88 ngày 19/5/2014, là hôn nhân hợp pháp, làm P sinh quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân. Quá trình chung sống, vợ chồng P sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống không hòa hợp, anh T không chăm lo cuộc sống gia đình, dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2016 cho đến nay. Nay tình cảm không còn chị P yêu cầu ly hôn, anh T không đồng ý vì cho rằng còn thương vợ, thương con.

Xét quan hệ hôn nhân của chị P và anh T, Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình giải quyết vụ án anh chị đều thống nhất trình bày anh chị thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, anh chị đã ly thân từ tháng 12 năm 2016 cho đến nay. Bị đơn anh T không đồng ý ly hôn nhưng anh T trình bày nếu Tòa án cho anh chị ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi con, cho thấy anh T đã không còn mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị P, anh cũng thừa nhận vợ chồng đã ly thân khoảng 02 năm. Qua đó đã chứng minh anh chị không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ và chồng theo Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên chị P yêu cầu ly hôn với anh T là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị P đối với anh T.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị P và anh T có 01 con chung tên Lê Thị K, sinh ngày 08/10/2016. Chị P yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung nếu Tòa án cho ly hôn.

Xét, từ khi vợ chồng anh chị ly thân đến nay, chị P là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu K; anh T không cùng chị P trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đối với con chung. Hiện nay chị P đang làm công việc có thu nhập ổn định, có điều kiện để tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Cháu Lê Thị K hiện dưới 36 tháng tuổi. Để đảm bảo quyền lợi và sự P triển về mọi mặt, ổn định tinh thần, sinh sống và học tập của cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu K cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Huỳnh Thị Hồng P ly hôn với anh Lê Quốc T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Lê Thị K, sinh ngày 08/10/2016 cho chị Huỳnh Thị Hồng P trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Hồng P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí chị P đã nộp theo biên lai thu số: 0002293 ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã M;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Thi

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**